

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên:

Đoàn Minh Nghĩa

Giảng viên hướng dẫn:

Ths. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ HOẠCH DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY
CPTM VẬN TẢI XUẤT NHẬP KHẨU VŨ GIA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên:

Đoàn Minh Nghĩa

Giảng viên hướng dẫn:

Ths. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Minh Nghĩa

Mã SV: 1512401018

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài: Hoàn thiện công tác kế hoạch doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

- Hệ thống sổ, phiếu, HĐ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia, sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

- Địa chỉ: Số 36B Trục Cát – Phường Vĩnh Niệm – Quận Lê Chân –

Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đoàn Minh Nghĩa

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Văn Tường
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Đoàn Minh Nghĩa Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TM vận tải XNK Vũ Gia.
Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Có trách nhiệm, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu được, vận dụng được lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TM vận tải XNK Vũ Gia.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tường

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các Công ty phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các Công ty phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối ưu hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả trong hoạt động kinh doanh trong Công Ty

Sau thời gian thực tập ở Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh doanh đồng thời ảnh hưởng đến tình hình thực tài chính của Công ty, giúp Công ty có cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế hoạch doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

Vì thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty CPTM xuất nhập khẩu Vũ Gia.

Em xin cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC.

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn

Đối với tổ chức trung gian tài chính: Đối với các Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính để đưa ra các quyết định có nên cho doanh nghiệp đó vay hay không.

•Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế: Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, các nhà hoạch định chính sách Quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Khái niệm và nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh Thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS14-Doanh thu và thu nhập khác) ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của BTC quyết định: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu”.

Theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 thì doanh thu được định nghĩa là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ được thu tiền

- Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Các loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất kinh

doanh, doanh thu bao gồm:

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

• *Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau*:

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

✓ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

✓ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau*:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

✓ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành

giao dịch cung cấp dịch vụ đó..

➤ *Doanh thu hoạt động tài chính*: là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

• *Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:*

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- *Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:*
 - ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ *Thu nhập khác*: Là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- ✓ Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- ✓ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- ✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- ✓ Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- ✓ Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ✓ Các khoản thu khác.

➤ *Các khoản giảm trừ doanh thu*:

• *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

•Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

• Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

• Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:

+ *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

❖ *Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh*: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

• Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị

giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- Chi phí quản lý kinh doanh: Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính*: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

❖ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó:

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

(chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

• Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.

• Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.

• Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

• Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác

• Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT), hoá đơn bán hàng (02-GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 - VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hoá: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và đầu tư bất động sản

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

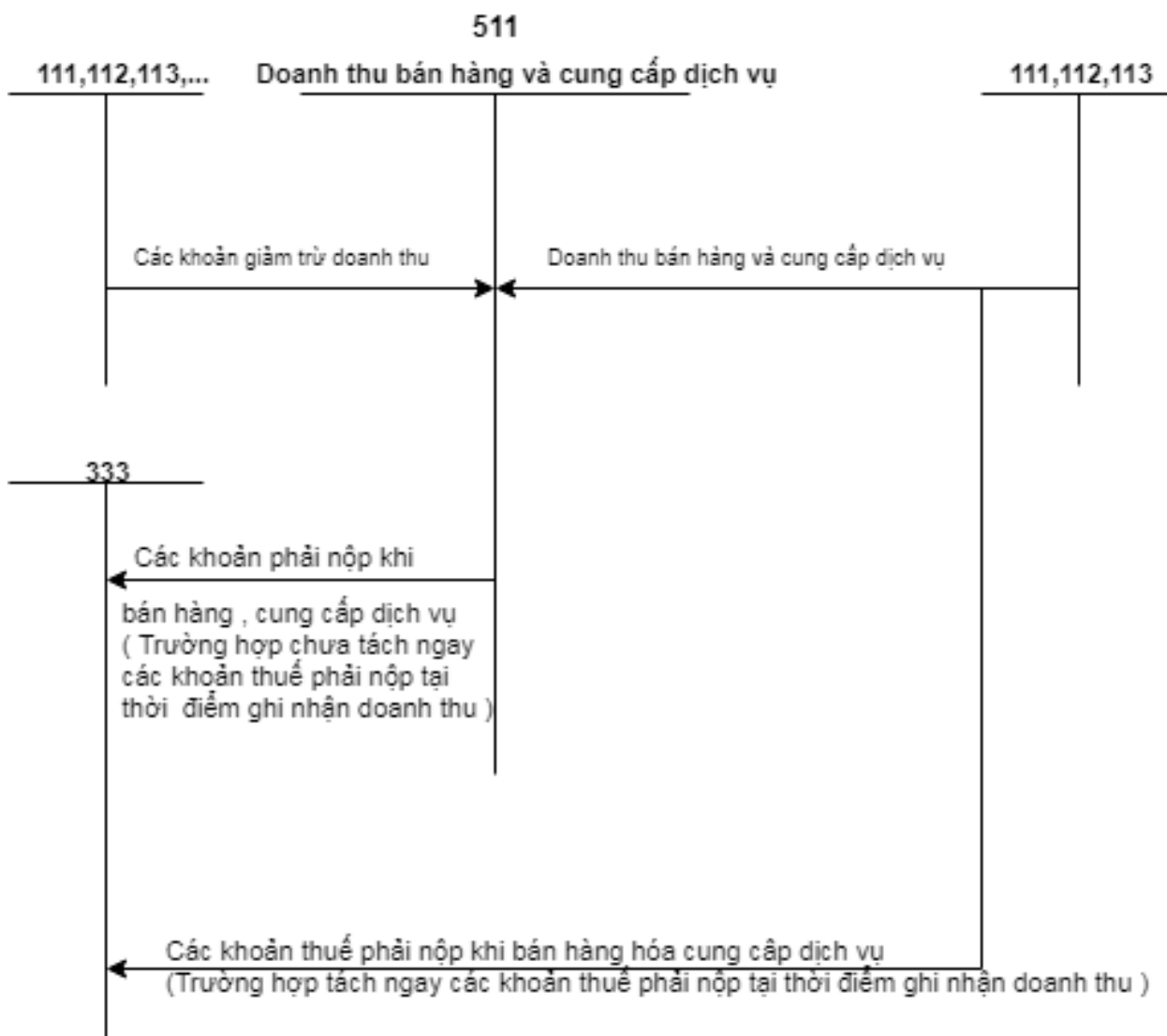
Các TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

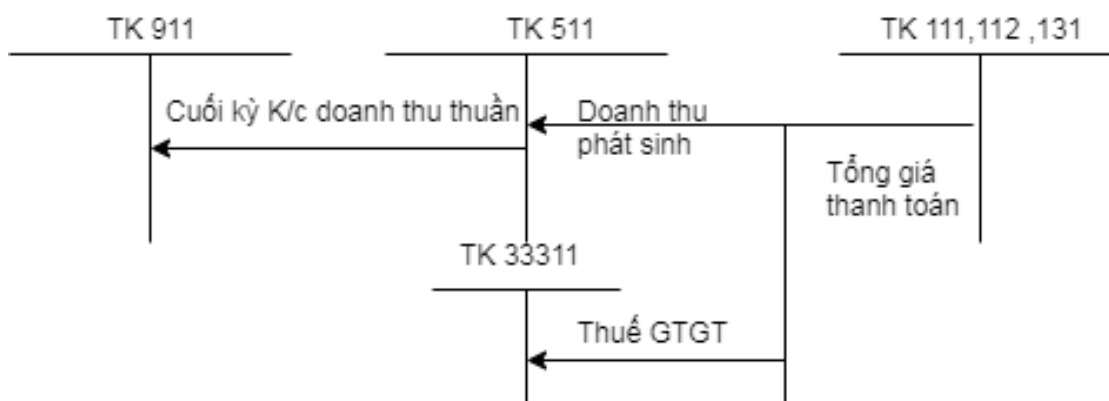
Kết cấu của tài khoản 511:

Nợ	TK 511	Có
- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911		Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

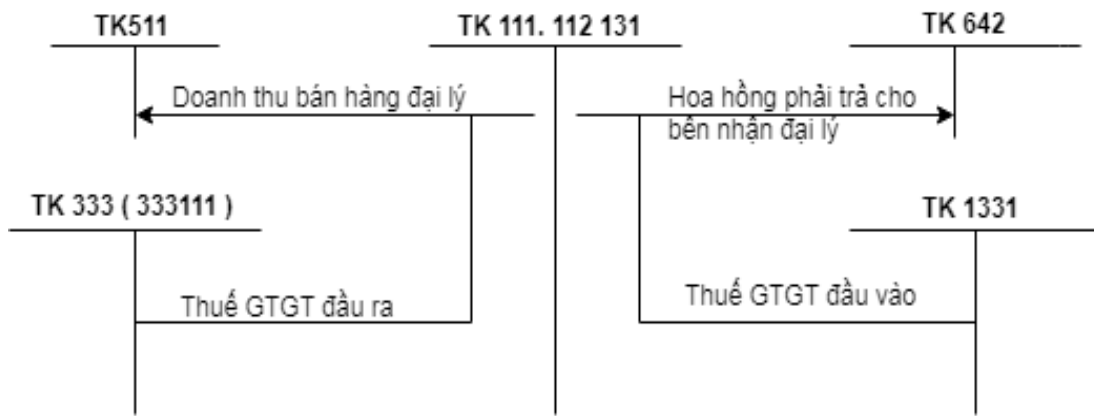
+) Sơ đồ hạch toán



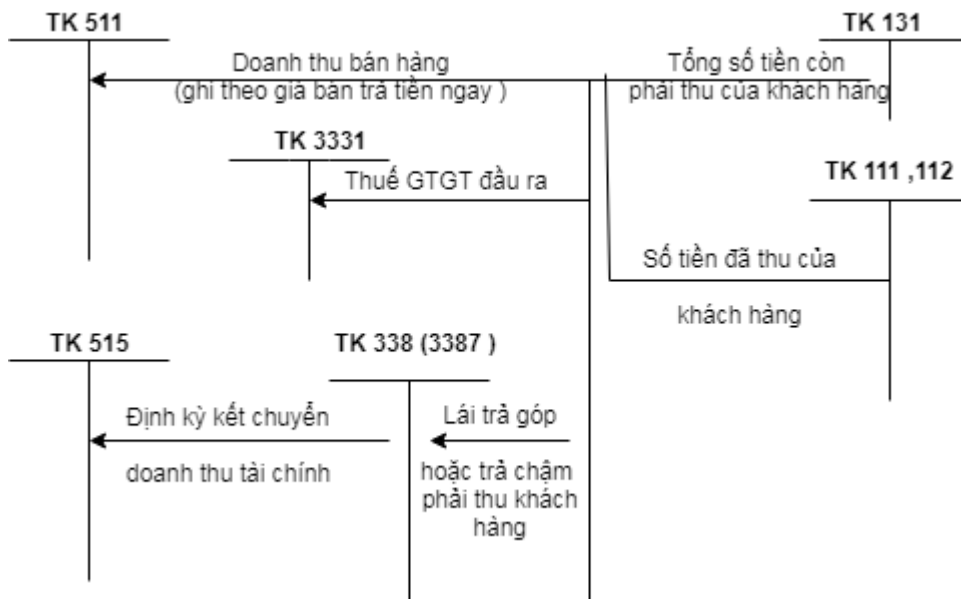
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



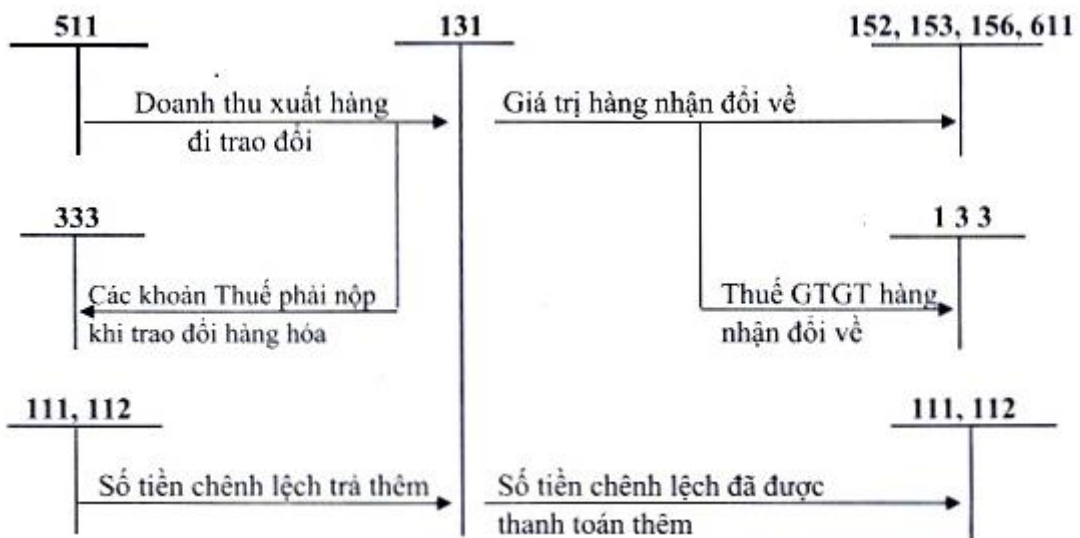
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.5. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

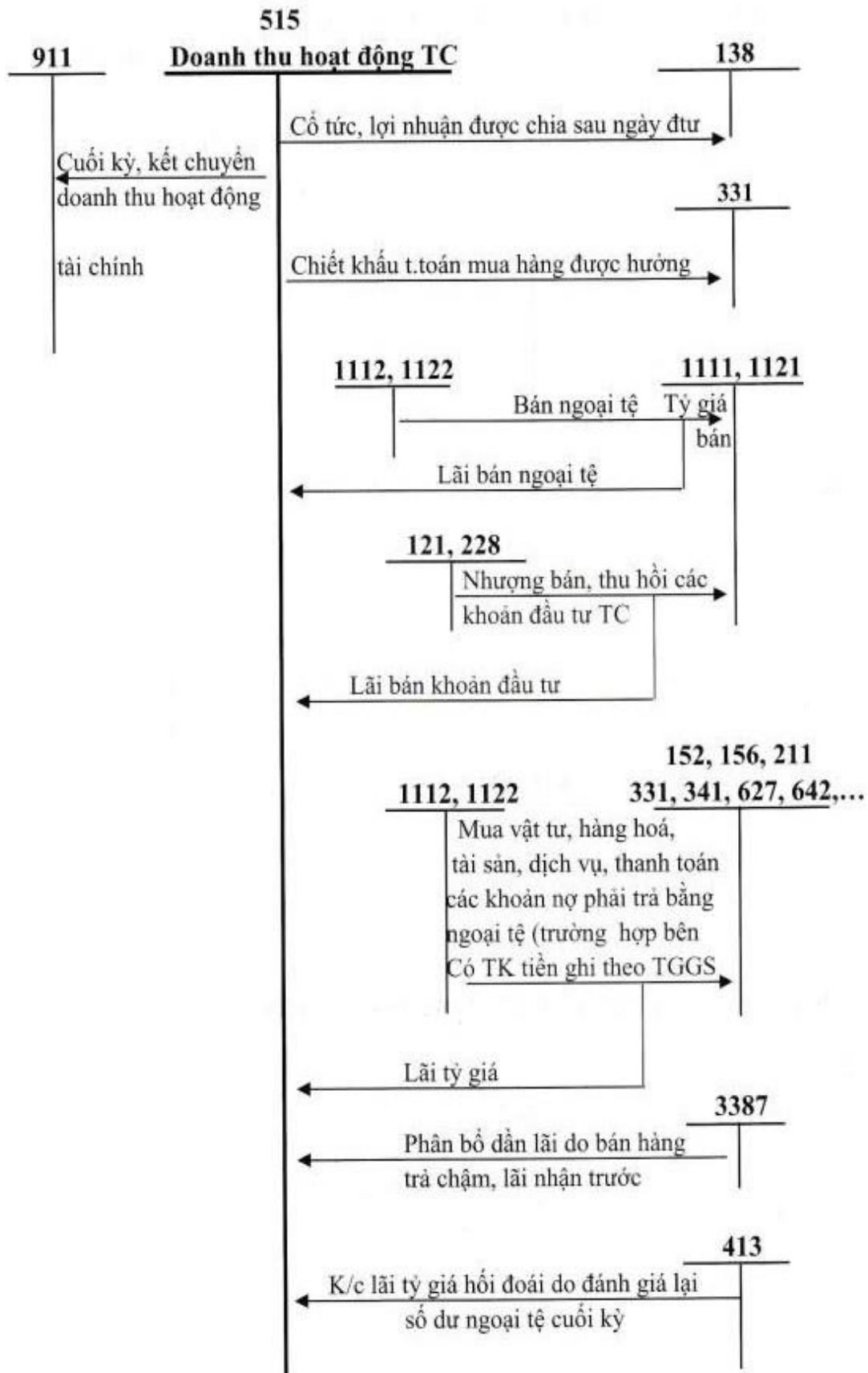
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Phiếu kế toán
 - Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
 - Các giấy tờ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng

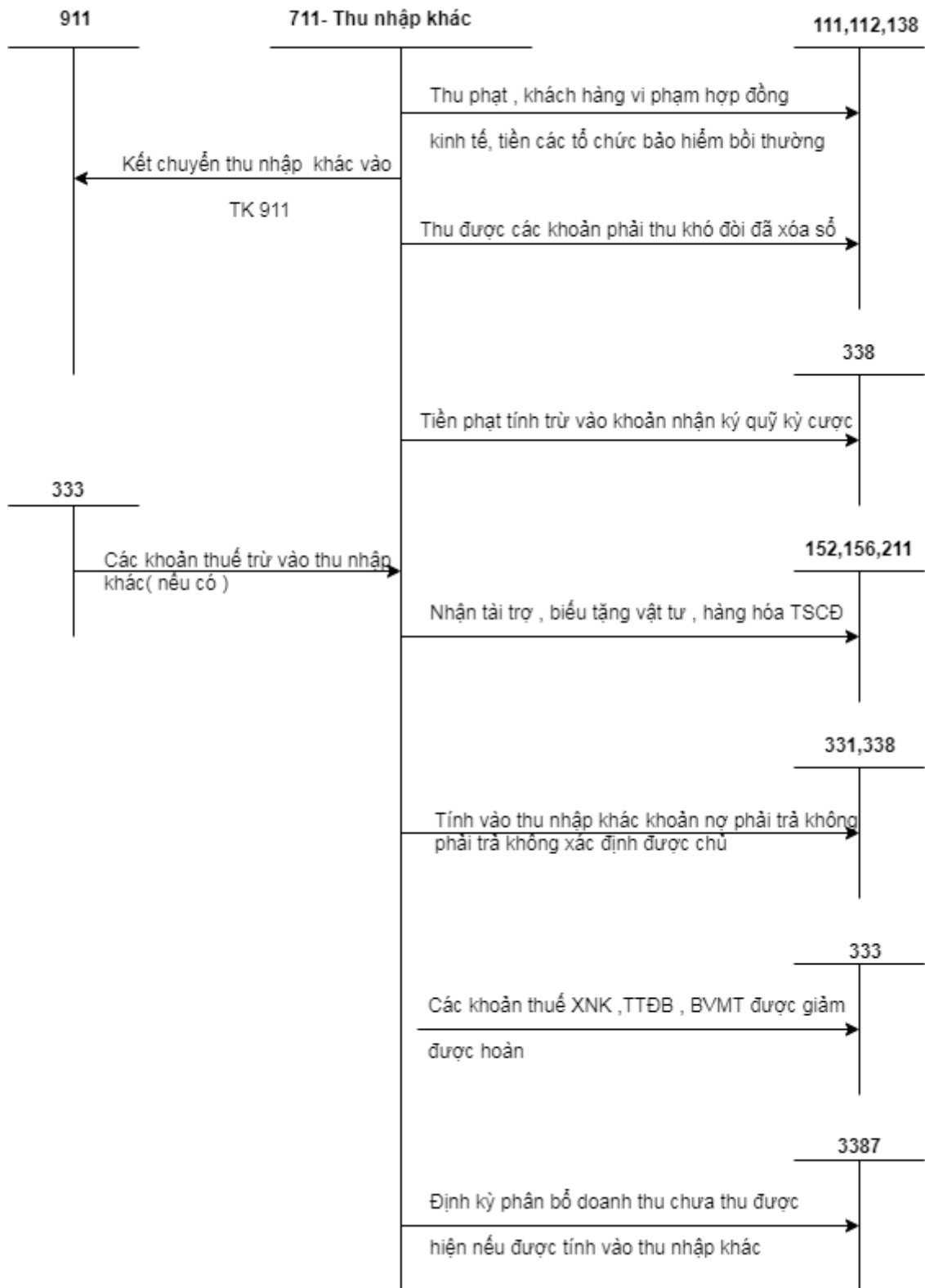
TK 711 – Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.2 Kế toán chi phí doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp định giá vốn hàng bán

Để tính giá trị hàng hoá xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

CT chung :

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

Ưu điểm:

- Có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý

- Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa hơn

Nhược điểm:

- Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số liệu, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

❖ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó

Ưu điểm:

- Là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra
- Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó

Nhược điểm:

- Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe. Chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả Kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT thu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn Đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm:

- Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm:

- Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}}$$

Ưu điểm:

- Chính xác, cập nhật được thường xuyên liên tục. Bởi tính chính xác của nó nên thường được sử dụng để tính giá xuất kho ngoại tệ

Nhược điểm: tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần

- *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)

- Phiếu xuất (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

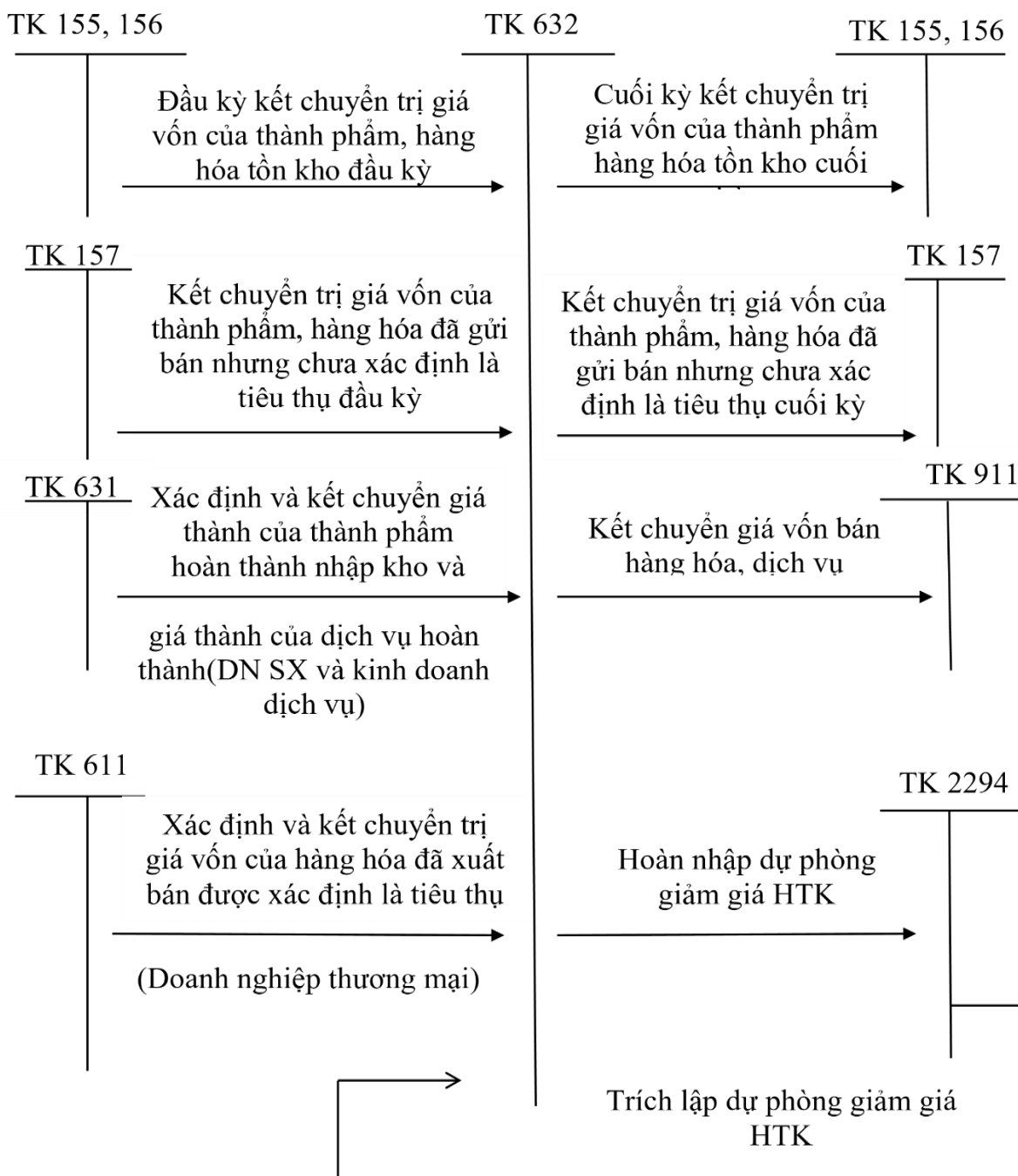
Kết cấu tài khoản 632:

➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư

• Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

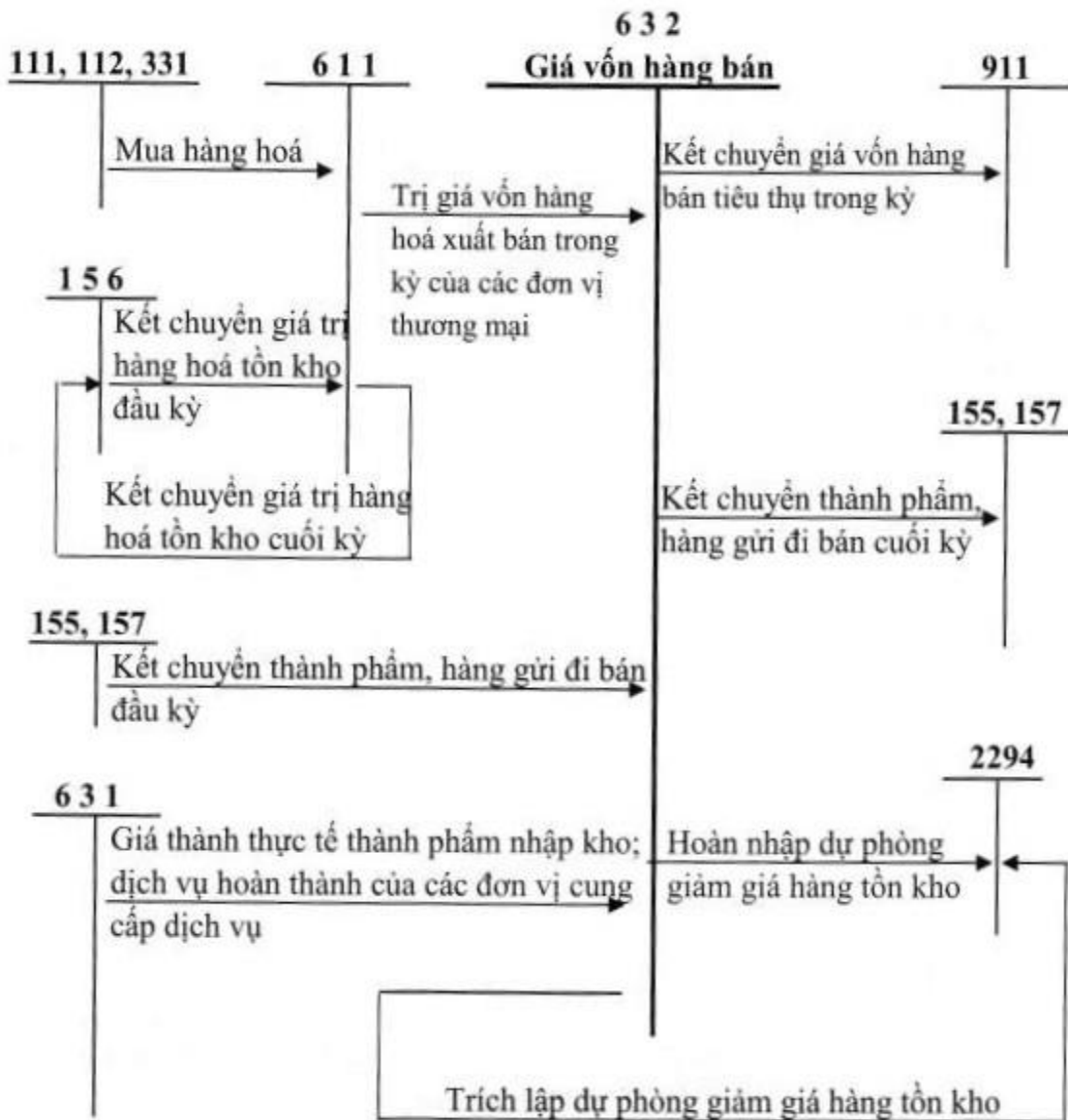
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

➤ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

• Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có

• Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

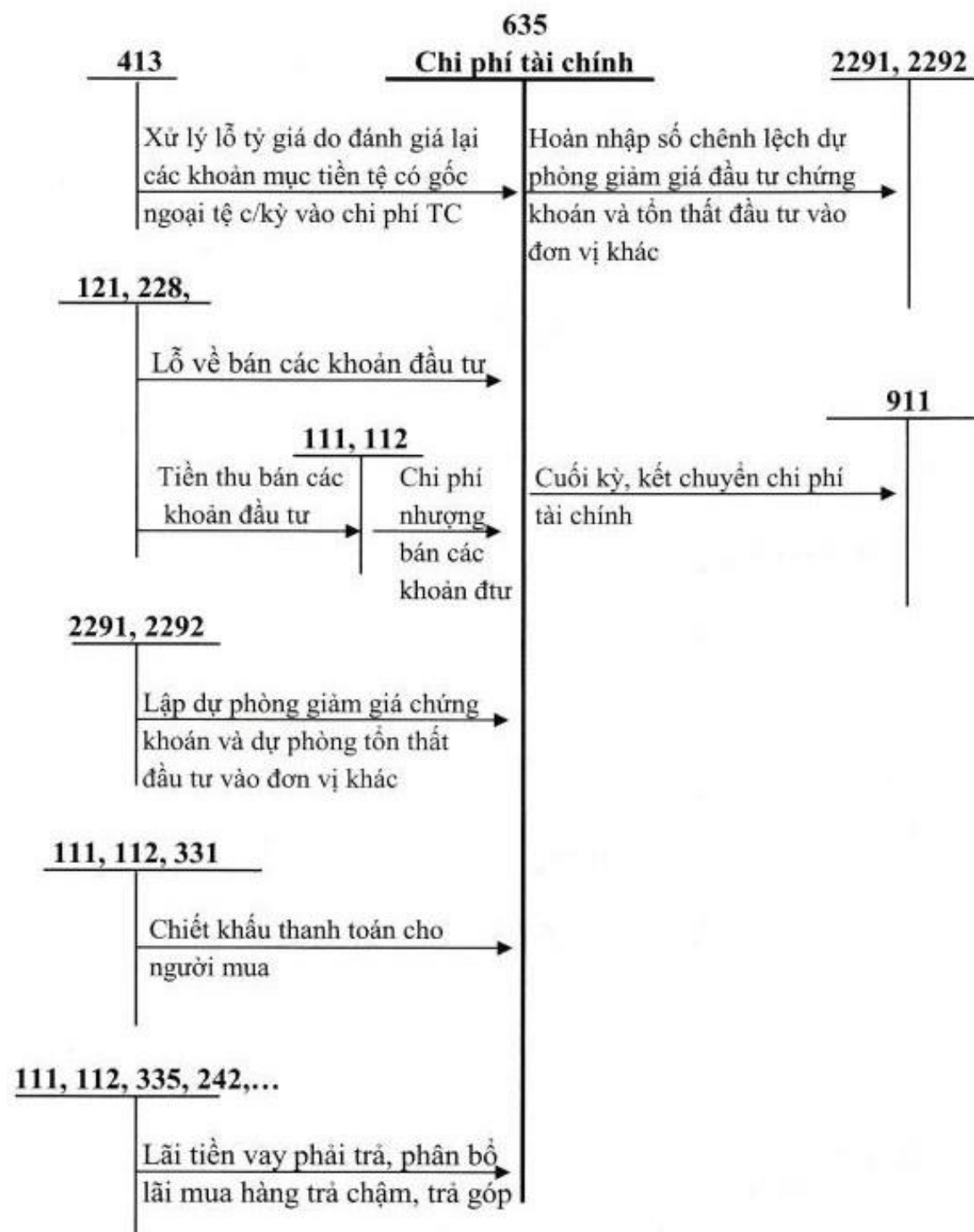
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu của tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Chứng từ sử dụng
 - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)
 - Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT)
 - Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT3/001)
 - Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
 - Phiếu kế toán
 - Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản kế toán sử dụng
 - TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

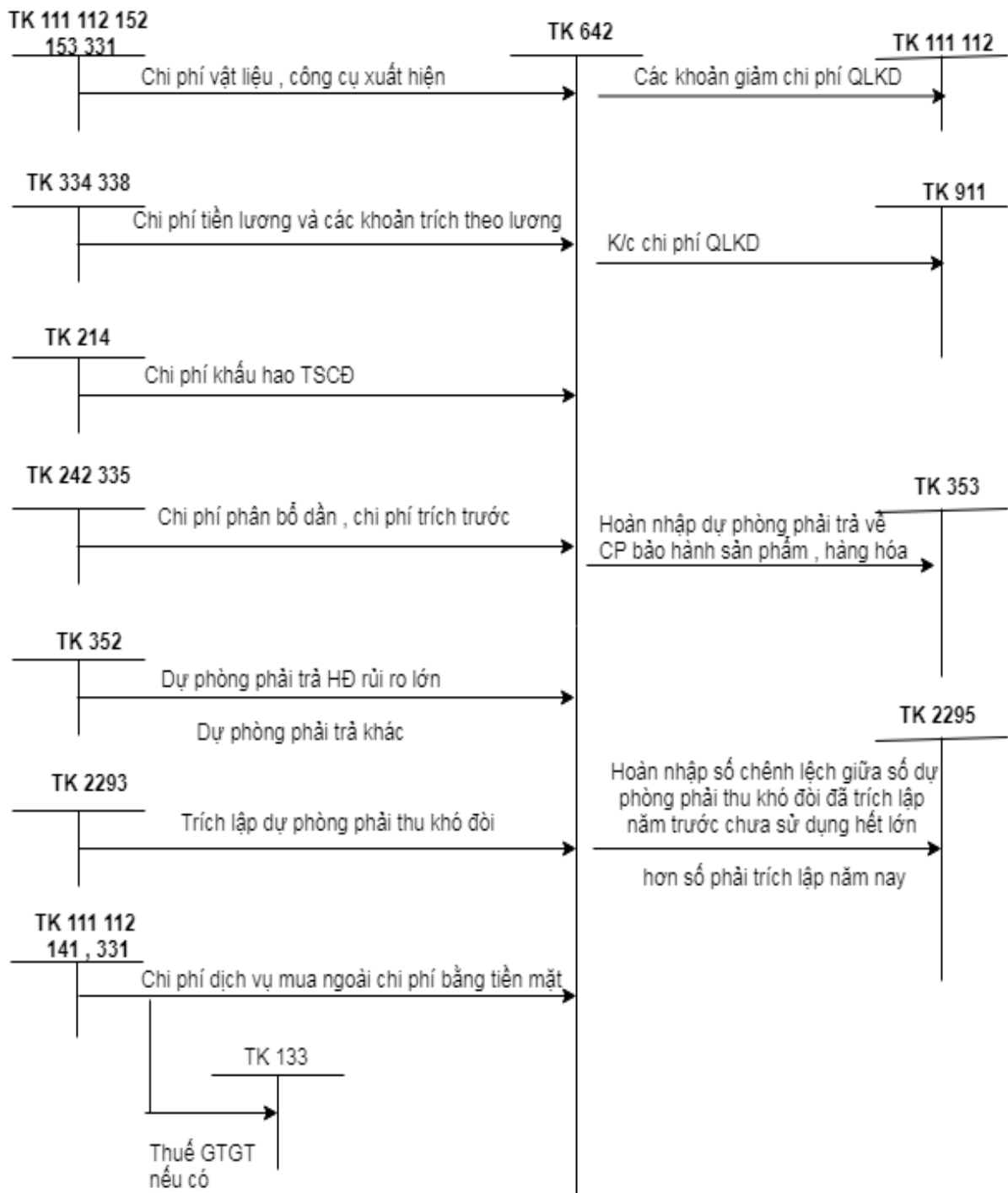
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết cấu của tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

• Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 811 – Chi phí khác

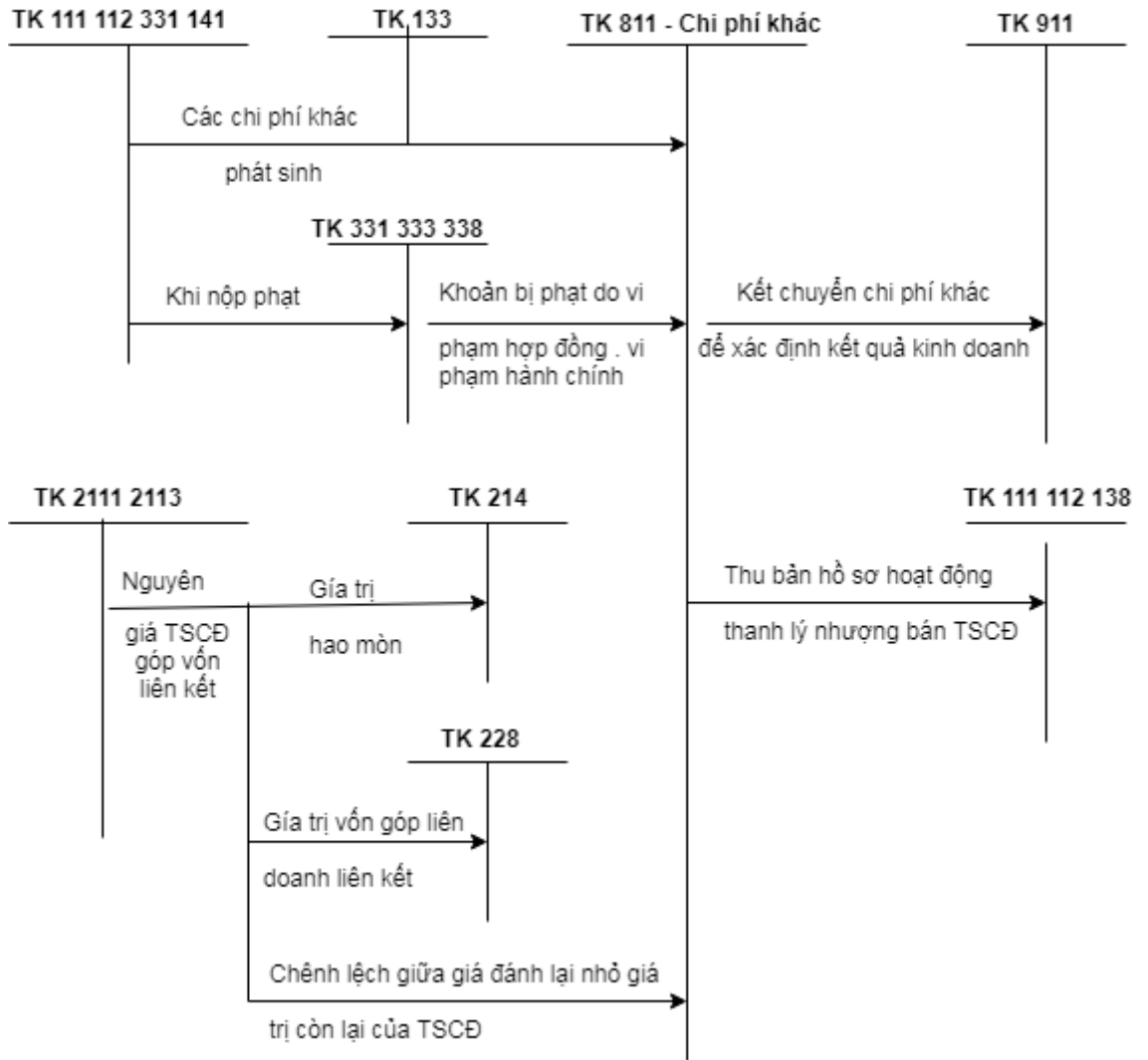
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- *Chứng từ sử dụng*
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- *Tài khoản sử dụng*
 - Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- *Kết cấu của tài khoản 911*

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

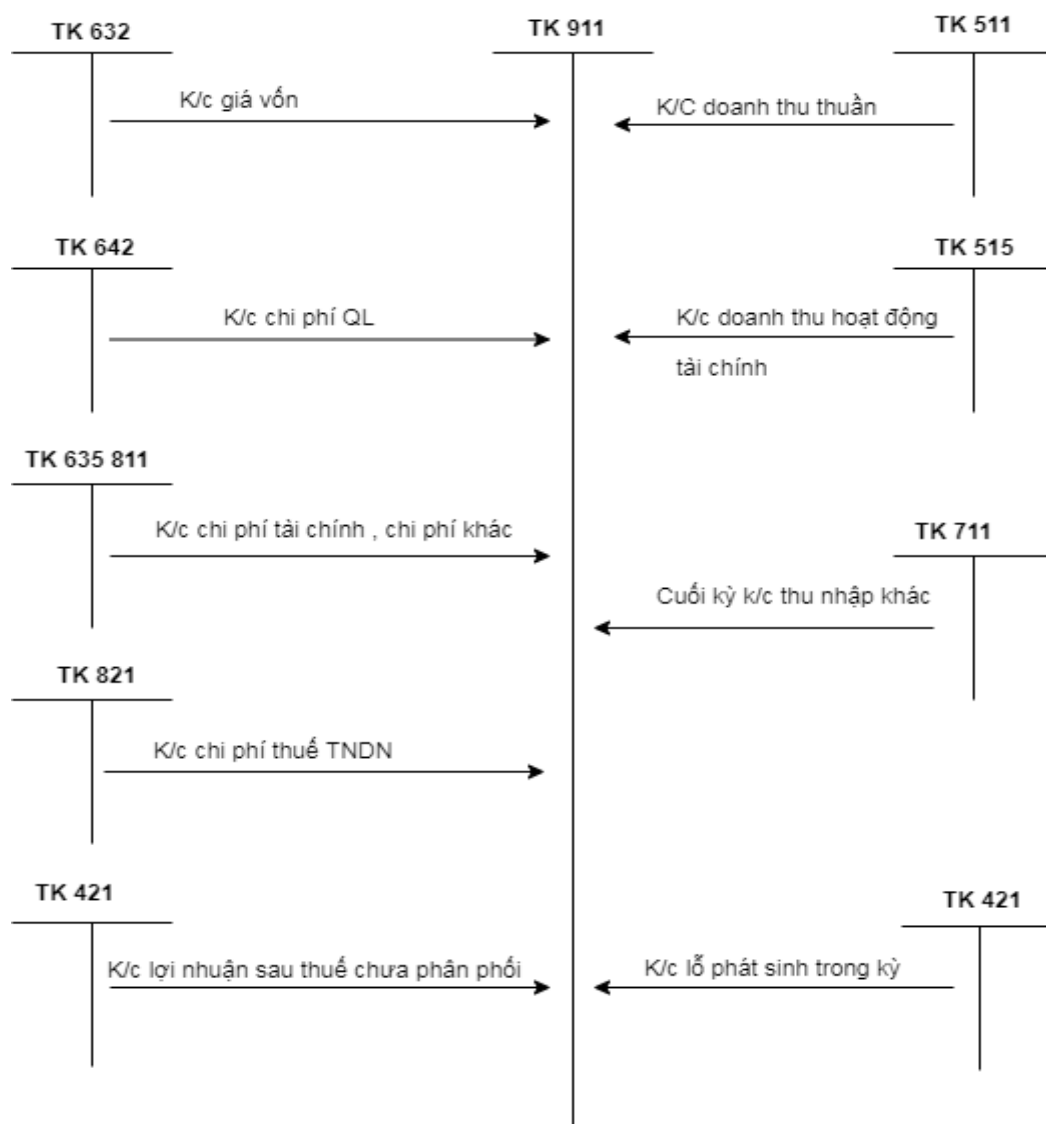
Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

❖ *Kết cấu của tài khoản 421:*

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp

1.3. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

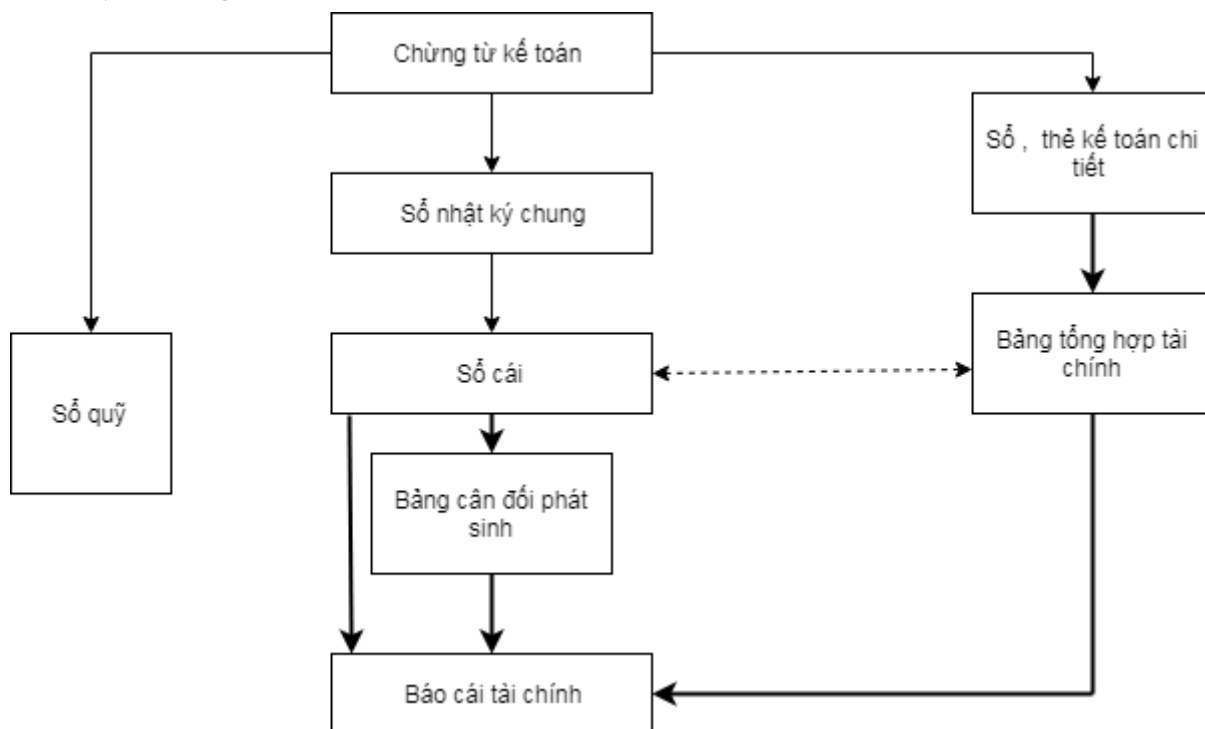
Công ty được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán:

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ.

Quy trình ghi sổ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán

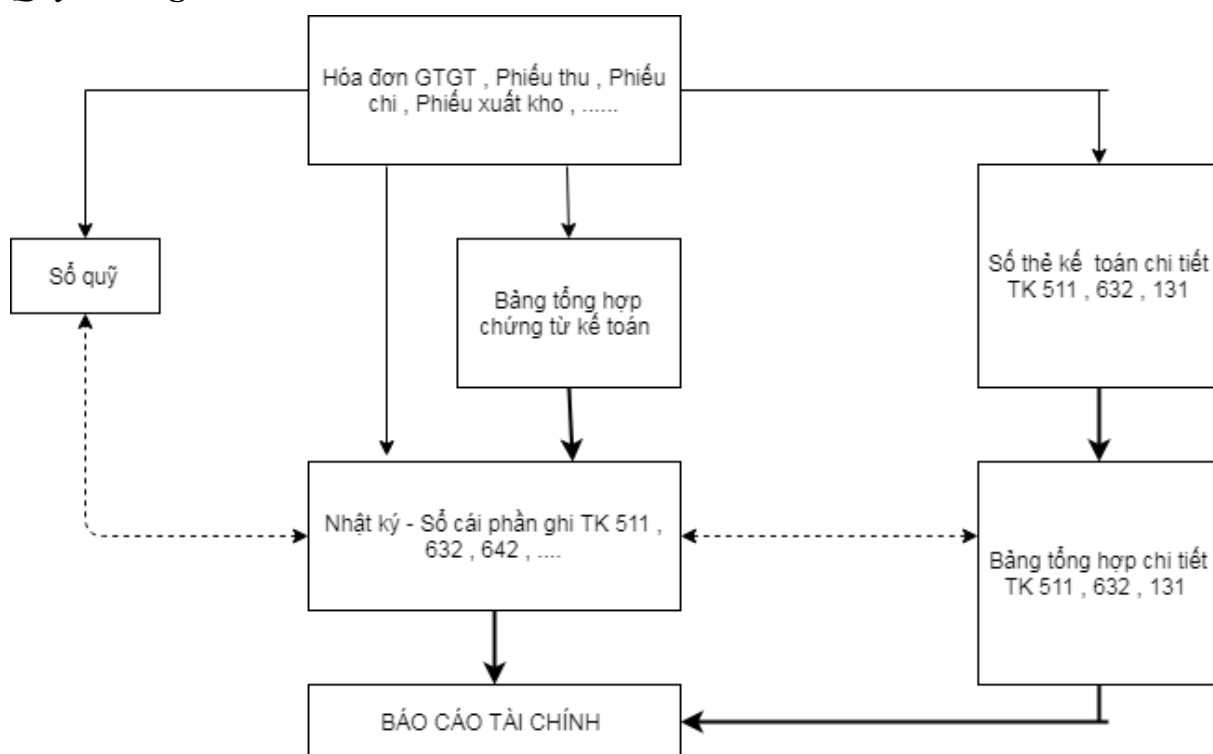
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm: Lượng ghi chép nhiều.

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

Quy trình ghi sổ:

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái

+ Ưu điểm

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc ktra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

+ Nhược điểm

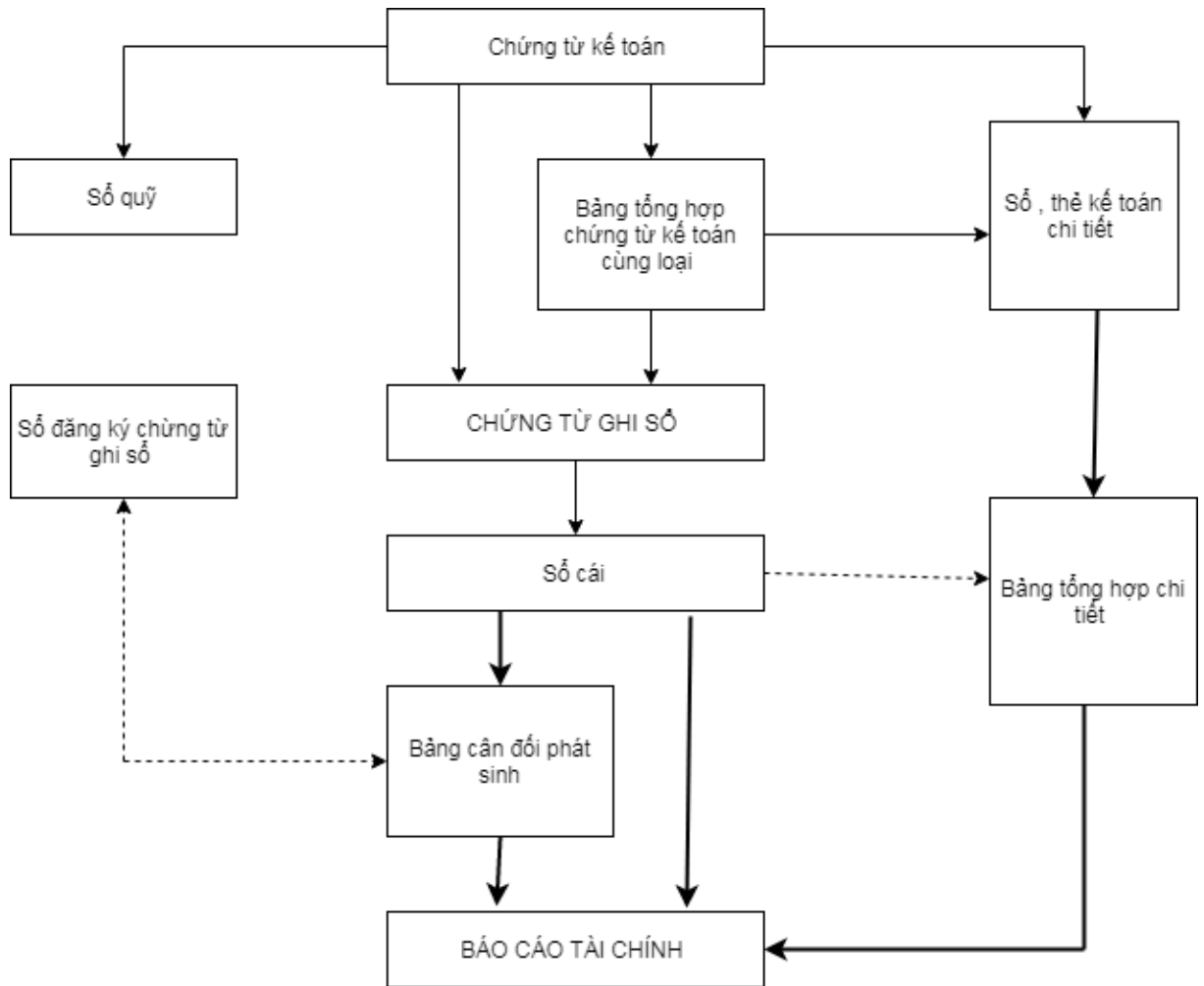
- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

1.3.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Quy trình ghi sổ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : **————>**

Ghi cuối tháng : **- - - ->**

Đối chiếu , kiểm tra : **————>**

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

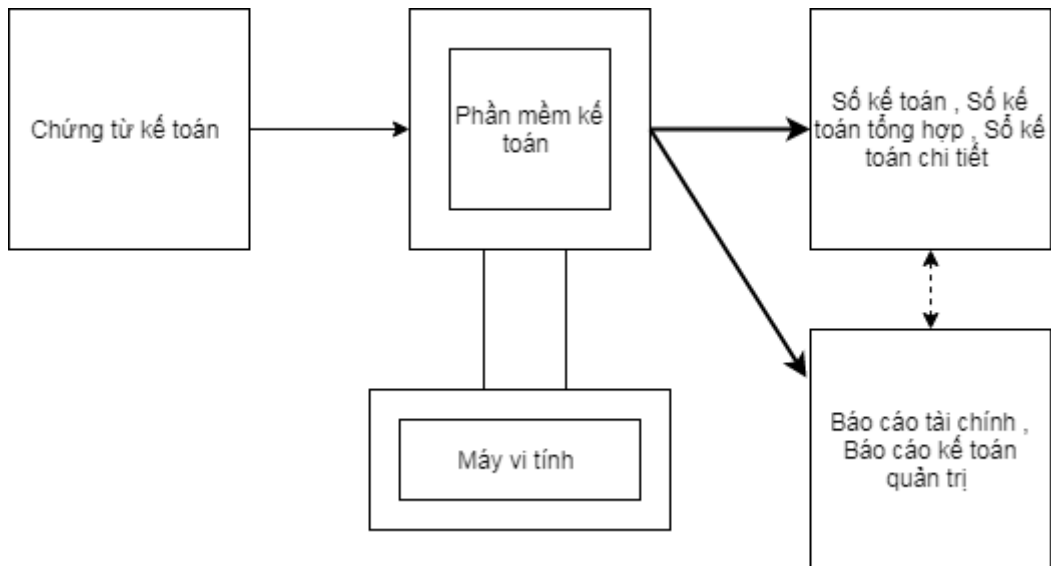
+ Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú :

Nhập số liệu hàng ngày : \longrightarrow

In số , báo cáo cuối hàng cuối năm : \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra : $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM VẬN TẢI XUẤT NHẬP KHẨU VŨ GIA

2.1 Khái quát chung về Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0201295441 ngày 25/04/2013 do sở kế hoạch đầu tư của Hải phòng cấp . Một số thông tin cơ bản của công ty :

- Tên giao dịch : VU GIA IMEXTRANCO
- Mã số thuế : 02012954441
- Địa chỉ : Số 36B Trục Cát – Phường Vĩnh Niệm – Quận Lê Chân – Hải Phòng
- Ngày cấp giấy phép :25/04/2013
- Ngày hoạt động :25/04/2013
- Điện thoại :
- Ngành nghề kinh doanh : Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (chính), sản xuất các kiện kim loại ,...

Công ty CPTM và xuất nhập khẩu Vũ Gia là đơn vị hạch toán độc lập , có tư cách pháp nhân , được mở các tài khoản trong và ngoài nước , được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định Nhà nước .

Trong những ngày thành lập , công ty đã gặp không ít khó khăn , trở ngại do công ty còn non trẻ , cơ sở vật chất phục vụ cho công việc của công ty chưa trang bị đầy đủ , nguồn nhân lực còn thiếu , hầu hết là đội ngũ nhân viên trẻ , chưa có kinh nghiệm thực tế về chuyên môn nghiệp vụ , kỹ năng ngoại ngữ còn hạn chế . Vì vậy những hợp đồng giao nhận hàng hóa đến công ty không nhiều làm đời sống nhân viên còn hạn chế .

Sau 5 năm thành lập đã tạo ra chỗ đứng khá vững chắc về hoạt động vận tải xuất nhập khẩu và thiết lập mối quan hệ làm ăn bền vững lâu dài với công ty trong và ngoài nước .

Công ty còn làm đại lý công cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu với giá cả phù hợp , chất lượng và uy tín hàng đầu . Ngoài ra , Công ty cũng làm đại lý tín nhiệm hãng tàu , cung cấp giá cước phù hợp cho các lô hàng xuất nhập khẩu .

Bên cạnh đó , thị trường và môi quan hệ với các đối tác tại indonesia, Trung Quốc , Malaysia , Ấn Độ , .. đã giúp công ty ký kết được khá nhiều hợp đồng và nguồn khách hàng ổn định tạo nền móng vững chắc để công ty phát triển trong tương lai .

Vì thời gian hoạt động công ty chưa lâu , mặt khác công ty được thành lập đúng thời điểm nền kinh tế đang khủng hoảng , giá cả biến động chênh lệch giữa giá mua và bán không đủ để bù đắp chi phí hoạt động và chi trả của công ty nên trong những năm đầu 2014/2015 công ty đã bị lỗ . Tuy nhiên , với tâm huyết , sự nỗ lực không ngừng trau dồi nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên trẻ cùng ban lãnh đạo công ty đã vượt qua những khó khăn ban đầu và đang trên đà phát triển trong những năm tiếp theo và không ngừng phát triển trong năm 2016/2017 đồng thời hứa hẹn trở thành công ty hùng mạnh nhất khu vực .

Thuận lợi :

- Công ty luôn xác định rõ ràng mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên luôn có định hướng đúng đắn trong quá trình phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, ngành nghề...

- Công ty có nhiều biện pháp xúc tiến, thâm nhập, không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất cũng như dịch vụ.

- Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, dày dặn kinh nghiệm cùng với lực lượng công nhân sản xuất hăng say, tạo nên hiệu quả sản xuất kinh doanh cao và tăng dần qua các năm. Đồng thời công ty luôn có kế hoạch phát triển, bồi dưỡng, đào tạo năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

Khó khăn :

- Mặc dù tốc độ phát triển cũng khá nhanh nhưng công ty vẫn còn gặp phải những khó khăn về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị...

- Chế độ chính sách nhà nước không ổn định: chính sách thuế, chính sách đầu tư, sự tăng vọt của giá cả thị trường ...làm cho công ty gặp không ít khó khăn trong việc đối mặt với sự biến động trong việc lựa chọn và ra quyết định đầu tư như thế nào cho hợp lý và hiệu quả .

- Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi công ty phải đưa ra nhiều biện pháp thu hút, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường...

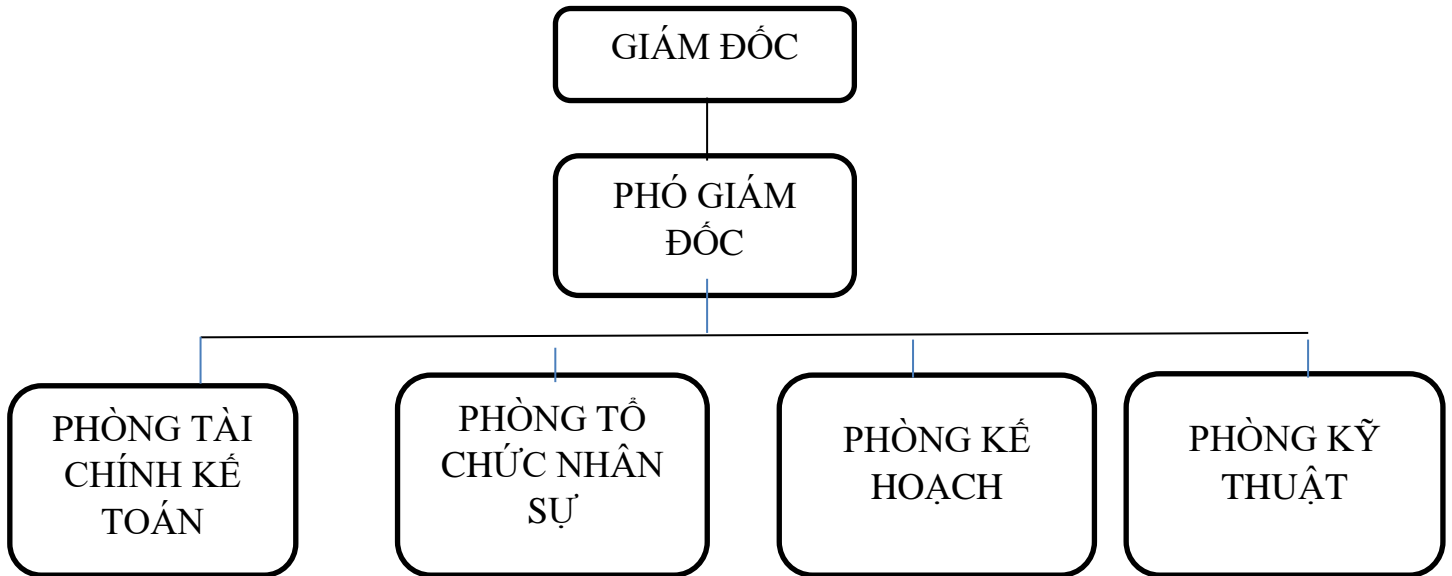
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty

- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (chính)

- Đúc sắt thép

- Sản xuất các cầu kiện kim loại
- Gia công cơ khí và tráng phủ kim loại
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng , sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và động cơ khác
- Bán mô tô và xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô và xe máy
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu , thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành , ngoài thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
 - Vận tải khách hàng bằng đường bộ khác
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa
 - Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp bằng đường thủy
 - Sản xuất giường , tủ , bàn . ghế
 - cửa xẻ , bào gỗ và bảo quản gỗ
 - Sản xuất gỗ xây dựng
 - Sản xuất bao bì bằng gỗ
 - Sản xuất sản phẩm khác bằng gỗ . tre nứa, rom ,rạ

2.1.3 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



• **Giám đốc :**

Chức năng : Là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ trước cơ quan pháp luật.

Nhiệm vụ :

+ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.

+ Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

+ Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.

+ Ký hợp đồng nhân danh Công ty.

• **Phó giám đốc :**

Chức năng : Nhận nhiệm vụ từ Giám đốc công ty, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao phó.

Nhiệm vụ :

+ Phụ trách công việc chung của phòng kinh doanh và phòng kế toán .

+ Thay mặt giám đốc giải quyết các công việc nội vụ .

+ Đôn thúc nhân viên thực hiện nhiệm vụ được giao .

• **Phòng tài chính kế toán :**

Chức năng : Phản ánh và giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn công ty. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ :

+ Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các nhân viên thuộc phòng quản lý để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Báo cáo với Tổng Giám Đốc về những phát sinh trong tháng một cách kịp thời, chính xác, như doanh thu, chi phí, thuế, ngân hàng, công nợ...

+ Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.

+ Mở sổ sách theo dõi tài sản, lập hồ sơ chứng từ ghi chép, lập báo cáo theo quy định của nhà nước, lưu giữ chứng từ cẩn thận, gọn gàng.

• **Phòng tổ chức nhân sự**

Chức năng : Giúp Tổng giám đốc thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên danh sách ký hợp đồng cho nhân viên toàn công ty, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo luật lao động và luật Bảo Hiểm Xã Hội hiện hành (chế độ nghỉ việc, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép..). Lập các quyết định nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, lệnh điều động nhân viên các mục tiêu, quản lý hồ sơ, danh sách trích ngang toàn công ty.

• **Phòng kế hoạch**

Chức năng : Tham gia thay đổi những nội dung qui trình, kế hoạch chất lượng, các hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ :

+ Tham mưu , đề xuất các phương án kinh doanh trình lên Tổng Giám Đốc.

+ Nghiên cứu thị trường, định hướng các hoạt động kinh doanh tiếp thị tại các thị trường mục tiêu .

+ Xác định giá dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển thị trường .

+ Thực hiện việc dịch vụ sau bán hàng (chăm sóc khách hàng), tiếp thị .

+ Biết phân biệt khách hàng có tiềm năng và không có tiềm năng.

+ Kết hợp với các phòng ban liên quan xây dựng chất lượng nhân viên .

• **Phòng kỹ thuật :**

Chức năng : Là phòng ban tham mưu cho giám đốc công ty các mặt công tác nghiên cứu, quản lý kỹ thuật, tổ chức thi công, tham mưu các biện pháp có tính chất kỹ thuật, tổ chức thi công, tham mưu các biện pháp có tính chất kỹ thuật nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2.1.4 Khái quát tình hình tài chính của Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Bảng 1.2 một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm			2017/2016		2018/2017	
		2016	2017	2018	+/-	%	+/-	%
Doanh thu thuần	Tr.VNĐ	985.890.639	822.576.286	711.327.785	-163.314.353	83.43	-111.248.501	86.48
Giá vốn hàng bán	Tr.VNĐ	965.830.264	805.984.635	697.559.312	-159.845.629	83.45	-108.425.323	86.55
Lợi nhuận gộp	VNĐ	20.060.375	16.591.651	13.768.473	-3.468.724	82.71	-2.823.178	82.98
Chi phí quản lý DN	VNĐ	2.551.123	1.565.321	2.909.361	-985.802	61.36	1.344.040	185.86
Chi phí thuế TNDN	VNĐ	10.470.321	9.555.987	4.115.698	-914.334	91.27	-5.440.289	43.07
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	7.038.931	5.470.343	6.743.414	-1.568.588	77.72	1.273.071	123.27
Tổng lao động	Người	20	20	22	2	104.77	0	-
Thu nhập bình quân/lao động	VNĐ/tháng	3.125.000	4.634.000	6.134.000	1.509.000	148.29	1.500.000	132.37

Nhân xét :

Qua bảng số liệu về một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp ta nhận thấy doanh thu thuần của doanh nghiệp có xu hướng tăng đều qua 3 năm.

Trong năm 2017 công ty liên tục đầu tư vào trang thiết bị máy móc, đào tạo nguồn nhân lực, điều này giúp cho tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả hơn, số lượng hợp đồng tăng lên giúp công ty đẩy mạnh được hoạt động tiêu thụ hàng hóa với chất lượng sản phẩm dịch vụ ngày càng nâng cao nhưng giá trị nguyên liệu đầu vào thay đổi liên tục . Đây chính là nguyên nhân làm cho doanh thu thuần của công ty năm 2017 giảm 163.314.353 VNĐ tương ứng với tỷ lệ giảm còn 83,43% so với năm 2016. Trong năm 2018 doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và tiêu thụ khi tiếp tục mua mới trang thiết bị và đẩy mạnh công tác bán hàng, do giá hàng hóa ngày càng giảm điều này đã làm cho doanh thu thuần của doanh nghiệp năm 2018 giảm 111.248.501 VNĐ tương ứng tốc độ giảm 86.46%.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp cũng có xu hướng tăng lên qua từng năm. Năm 2017 giá vốn hàng bán của doanh nghiệp giảm 159.845.629 VND tương ứng với tốc độ giảm 83,45% so với năm 2016. Đến năm 2018 giá vốn hàng bán của doanh nghiệp tiếp tục giảm đi 108.425.323 VND tương ứng tốc độ sụt giảm là 86,55% so với năm 2017. Nguyên nhân ảnh hưởng tới giá vốn hàng bán là do sự giảm của chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Trong đó thì chi phí nguyên vật liệu là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự biến động của giá vốn hàng bán. Trong năm vừa qua giá trị nguyên vật liệu tăng giảm liên tục có xu hướng giảm mạnh.

Doanh thu tăng tuy nhiên giá vốn hàng bán của doanh nghiệp cũng tăng lên làm cho lợi nhuận gộp của doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Lợi nhuận gộp của doanh nghiệp năm 2017 giảm 3.468.724 VNĐ tương ứng với tỷ lệ giảm còn 82,71% so với năm 2016, chỉ tiêu này năm 2018 chỉ giảm 82,98% tương ứng giảm 2.823.178 VNĐ .

Chi phí quản lý của doanh nghiệp cũng giảm dần, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 giảm 985.802 VNĐ tương ứng tỷ lệ giảm 61,36% so với năm 2016 còn trong năm 2018 chỉ tiêu này tăng 85.86% tương ứng với 1.344.040 VNĐ so với năm 2017.

Tuy chịu ảnh hưởng từ việc tăng lên của các khoản chi phí nhưng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp vẫn tăng đều qua các năm. Năm 2017 lợi

nhuận sau thuế của doanh nghiệp là 1.568.588 VNĐ giảm còn 77,72% so với năm 2016, năm 2018 con số này tăng thêm 1.573.271 VNĐ tăng 23.27% so với năm 2017.

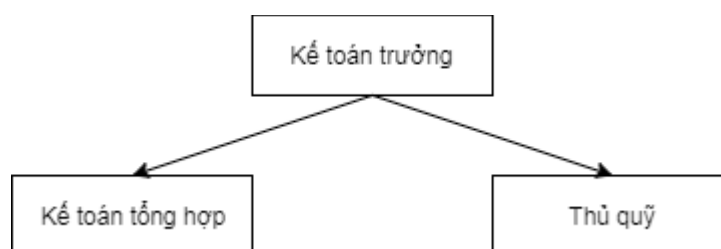
Số lao động của doanh nghiệp năm 2017 tăng lên và chững lại vào năm 2018, cụ thể năm 2017 số lượng lao động là 22 người, tăng 2 người tương ứng tỷ lệ tăng 4,17% so với năm 2016. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy doanh nghiệp đang không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, cần thêm nguồn nhân lực để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định. Năm 2018 số lượng lao động không biến đổi do doanh nghiệp đã có đủ nhân lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh và chưa có nhu cầu tuyển thêm lao động.

Thu nhập của lao động bình quân người/tháng: thu nhập của lao động nhìn chung qua 3 năm có xu hướng biến động như sau: năm 2017 thu nhập của lao động tăng so với năm 2016 là 1.509.000 VNĐ tương ứng với mức tăng 48,29%. Năm 2018 thu nhập của người lao động tăng so với năm 2017 là 1.500.000 VNĐ tương ứng với mức tăng 24,37%. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy hướng đi sáng suốt của lãnh đạo trong việc phát triển thêm ngành nghề, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh đã giúp cho công ty tăng doanh thu và lợi nhuận. Chính vì vậy mà thu nhập của người lao động cũng được tăng lên đáng kể, giúp họ cải thiện cuộc sống. Người lãnh đạo của doanh nghiệp đã trả mức lương xứng đáng cho công sức của người lao động bỏ ra. Đây là việc làm rất đúng đắn để giữ chân những người nhân viên đặc lực bên cạnh và họ sẽ dốc hết sức để làm việc cho doanh nghiệp phát triển.

Như vậy nhìn chung qua 3 năm tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đạt hiệu quả bằng chứng là mức doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng qua từng năm. Tuy nhiên công ty cần quan tâm xem xét điều chỉnh các chiến lược để giảm trừ chi phí để tiếp tục nâng cao chất lượng kinh doanh, đạt được những mục tiêu đã đề ra.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.5.1 Cơ cấu bộ máy kế toán



+ Kế toán trưởng : chịu trách nhiệm trước cấp trên và giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty , có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị . Đồng thời cũng có nhiệm vụ quan trọng việc thiết kế phương án tự chủ tài chính , đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí , tăng lợi nhuận của công ty.

là người ghi chép , tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành , xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào sổ cái lên bảng thống kê tài sản . Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các ban hàng.

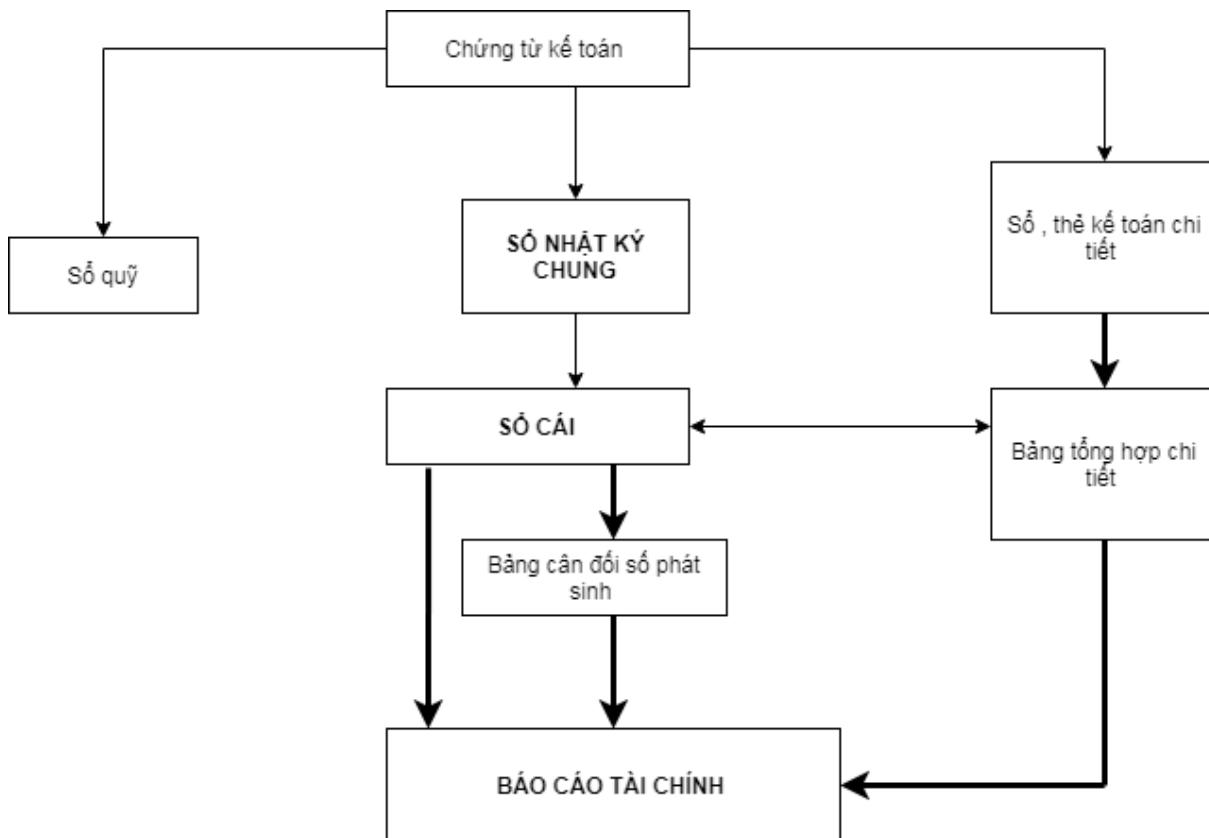
+ Kế toán tổng hợp : chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với ngân sách nhà nước , với các thành phần kinh tế , các cá nhân cũng như trong nội bộ công ty . Đồng thời thanh toán tiền lương cho công nhân theo chế độ quy định.

theo dõi sự biến động của TSCĐ , tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng

+ Thủ quỹ chịu trách nhiệm về công việc có liên quan đến quỹ tiết kiệm , tín dụng thu hồi vốn từ các khoản nợ và cũng là người quản lý giám sát lượng tiền của công ty.

2.1.5.2 Hình thức ghi sổ

Để thuận tiện, đơn giản và phản ánh kịp thời đầy đủ khối lượng nghiệp vụ kinh tế của đơn vị, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép, phản ánh hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng và định kỳ : \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu , kiểm tra : \longleftrightarrow

- Hàng ngày tập hợp các chứng từ gốc để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái, đồng thời phải ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan cùng với việc ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.

- Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh sau khi kiểm tra và đối chiếu khớp đúng với số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

2.1.5.3 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Giá trị thực tế của vật liệu xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

2.1.5.4 Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán

Chứng từ sử dụng trong Công ty hiện nay hầu hết do Bộ Tài chính phát hành.

- Chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, biên bản kiểm kê quỹ, giấy báo nợ, giấy báo có....
- Chứng từ bán hàng: phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, ...
- Chứng từ lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích BHXH, BHYT
- Chứng từ TSCĐ: Sổ TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Sổ tổng hợp: Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà Công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
- Doanh thu bán hàng là buôn bán các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng: Thu ngay bằng tiền mặt, thu qua chuyển khoản hoặc ghi nhận nợ

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác.

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:

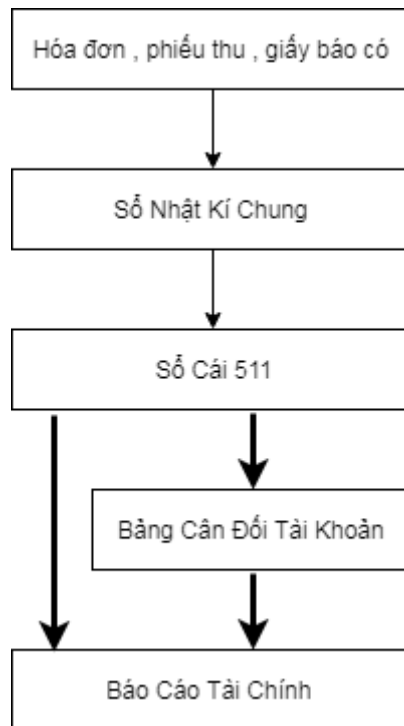
TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

- Sổ sách sử dụng :

Sổ Nhật ký chung.

Sổ cái các tài khoản

- Trình tự hạch toán :



Ghi Chú :

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng , định kỳ : —————>

Ví dụ 1 :

Ngày 4/12/2018 Bán cho công ty cổ phần thương mại Vĩnh Phúc 500 thùng gạch lát nền S100 , với 250 thùng gạch ốp chân tường J70 giá chưa thuế GTGT 10% là 295.350.000 chưa thanh toán

Định khoản:

Nợ TK 131: 295.350.000

Có TK 511: 295.350.000

Có TK 3331: 29.535.000

Từ HĐ GTGT số 702 (biểu số 1) kê toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 5) vào sổ cái TK 511 (biểu số 6)

Biểu số 1 :**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: HH/18P

Ngày 04 tháng 12 năm 2018

Số: 0000702

Đơn vị bán hàng: **Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia**

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Mã số thuế : 0201295441

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : **Công ty Cổ Phần thương mại Vinh Phú**

Địa chỉ : Đàm Công Kết , tổ dân phố Tân Khê ,P. Đồng Khê , P. Đồng Hòa , Q.Kiến An ,TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0201263305

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Gạch lát nền S100	Thùng	1000	186.273	186.273.000
02	Gạch ốp chân tường J70	Thùng	500	164.454	82.227.000
Cộng tiền hàng :					268.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			26.850.000
Tổng cộng tiền thanh toán					295.350.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 2 : Bán cho công ty Cẩm Phả 500 thùng gạch lát nền S100 đơn giá 186.273 đ/thùng chưa VAT theo hợp đồng 00000707, thanh toán ngay bằng chuyển khoản .

Định khoản:

Nợ TK 111: 102.450.150

Có TK 511: 93.136.500

Có TK 3331: 9.313.650

Từ HĐ GTGT ghi sổ số 707 (biểu số 2) phiếu thu số 1/Q4 (biểu số 3) kê toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 5) và sổ cái 511 (biểu số 6)

Biểu số 2 : hóa đơn GTGT 00001930

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01GTKT3/002

Liên 3 : nội bộ

Ký hiệu: HH/18P

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Số: 00000707

Đơn vị bán hàng: **Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia**

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Mã số thuế : 0201295441

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : **Công ty Cẩm Phả**

Địa chỉ: Quốc Lộ 18A, P. Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mã số thuế : 0104227284

Hình thức thanh toán : chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Gỗ lát nền S100	Thùng	500	186.273	93.136.500
		Cộng tiền hàng:			93.136.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9.313.650
		Tổng cộng tiền thanh toán			102.450.150

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm linh hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi đồng*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3: Phiếu thu số 1/Q1

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số 01- TT

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Số 1/Q4

Ngày 11/12/2018

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ : Quốc Lộ 18A, P. Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 102.450.150

(Viết bằng chữ): Một trăm linh hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi đồng

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền *(Viết bằng chữ): Một trăm linh hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi đồng.*

Biểu số 5: Trích Nhật ký chung :

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh Niệm–
Quận Lê Chân– Hải Phòng(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị : đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
04/12	HĐ 702	4/12	Bán 1000 thùng gạch lát nền S100 ,500 thùng gạch ốp chân tường S70 cho công ty CPTM Vĩnh Phúc	131	295.350.000	
				511		268.500.000
				3331		26.850.000
...
11/12	HĐ 707	11/12	Bán 500 thùng gạch lát nền S100 cho công ty Cẩm Phả	111	102.450.150	
				511		93.136.500
				3331		9.313.650
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		300.801.986.850	300.801.986.850

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: (Trích sổ cái năm 2018)

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03b – DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản : 511

Năm 2018

Đơn vị : đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/C ó	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
			Số dư đầu kỳ			
04/12	HĐ 702	4/12	Bán 1000 thùng gạch lát nền S100 , 500 thùng gạch ốp chân tường cho công ty CPTM Vĩnh Phúc	131		268.500.000
...
11/12	HĐ 707	11/12	Bán 500 thùng gạch lát nền S100 cho công ty Cẩm Phả	111		93.136.500
...
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	50.036.012.094	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		50.036.012.094	50.036.012.094

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

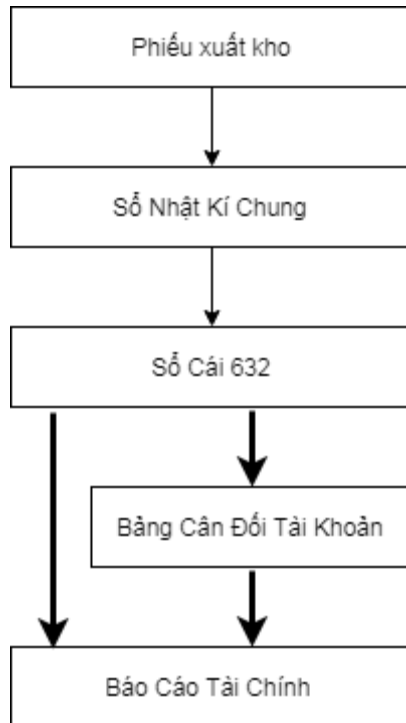
Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2: Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế xuất kho
- Tài khóa sử dụng:
 - + Tài khoản 632: giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 632
- Cách tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Trình tự hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :————->

Ví dụ 4 : Tiếp theo VD1

Ngày 4/12, Công ty bán 1000 thùng gạch lát nền S100 và 500 thùng gạch ốp chân tường S70 cho ông CPTM Vĩnh Phúc theo HĐ số 0001922 ngày 4/12/2018 chưa thanh toán, giá vốn Gạch lát nền S100 180.000đ/m và gạch ốp chân tường J70 150.000đ/thùng, giá bán tại kho Gạch lát nền S100 186.273/thùng, gạch ốp chân tường J70 164.454đ/thùng.

Cách tính trị giá hàng xuất kho:

Gạch lát nền S100

Do tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước nên giá vốn giá xuất kho tháng 12 được tính như sau:

Ngày 01/12 tồn 200 Đơn giá : 180.000

Ngày 02/12 nhập 50 Đơn giá : 165.000

- Đơn giá xuất Gạch lát nền S100 là : 180.000/thùng

- Trị giá xuất kho cả tháng = 1000 x 180.000 = 180.000.000 được ghi vào bảng kê phiếu xuất

Gạch ốp chân tường S70

Do tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước nên giá vốn xuất kho tháng 12 được tính như sau:

Ngày 01/12 tồn 200 Đơn giá : 150.000

Ngày 2/12 nhập 50 Đơn giá : 142.500

Đơn giá xuất kho Gạch ốp chân tường S70 là : 150.000đ/thùng

Trị giá xuất kho cả tháng = 500 x 150.000 = 75.000.000

Định khoản:

Nợ 632 : 255.000.000

Có 156 : 255.000.000

_ Từ phiếu xuất kho 710(biểu số 7) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 9) vào sổ cái TK 632 (biểu số 10)

Biểu số 7 : Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số 02- VT

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 710

Ngày 04 tháng 12 năm 2018

Họ và tên người nhận hàng:

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng Địa chỉ:

Lý do xuất: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch lát nền S100	S100	Thùng	1000	1000	180.000	180.000.000
2	Gạch ốp chân tường J70	J70	Thùng	500	500	150.000	75.000.000
	Tổng cộng			1500	1500		255.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi lăm triệu

Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ví dụ 6: Tiếp VD2

Ngày 11/12, bán cho Công ty Cẩm Phả 500 Gạch lát nền S100 đơn giá 186.273đ chưa VAT theo HĐGTGT 0000694, thanh toán bằng chuyển khoản, giá vốn Gạch lát nền S100 180.000đ/thùng.

Định khoản:

Nợ 632 : 90.000.000

Có 156 : 90.000.000

Từ phiếu xuất kho 713(biểu số 8) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 9) vào sổ cái TK 632 (biểu số 10)

Biểu số 8 : Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số 02- VT

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 713

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Họ và tên người nhận hàng: Công ty Cẩm Phả

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch lát nền S100	S100	thùng	500	500	180.000	90.000.000
...
	Tổng cộng			500	500		90.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Chín mươi triệu đồng*

Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 9: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị : đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	D	2	3	4
...
PXK 702	4/12	Xuất kho Gạch lát nền S100 và Gạch ốp chân tường J70 cho Công ty CPTM Vĩnh Phúc	632	255.000.000	
			156		255.000.000
PXK 707	11/12	Xuất kho Gạch lát nền S100 cho Công ty Cẩm Phả	632	90.000.000	
			156		90.000.000
...
		Cộng lũy kế từ đầu năm		300.801.986.850	300.801.986.850

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10: (Trích sổ cái năm 2018)

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản :** Giá vốn hàng bán**Số hiệu tài khoản :** 632

Năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	D	2	3	4
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PXK 702	4/12	Bán Gạch lát nền S100 và Gạch ốp chân tường J70 cho Công ty CPTM Vĩnh Phúc	156	255,000.000	
PXK 707	11/12	Bán Gạch lát nền S100 cho Công ty Cẩm Phả	156	90.000.000	
...
PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		45.672.805.500
		Cộng lũy kế từ đầu năm		45.672.805.500	45.672.805.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

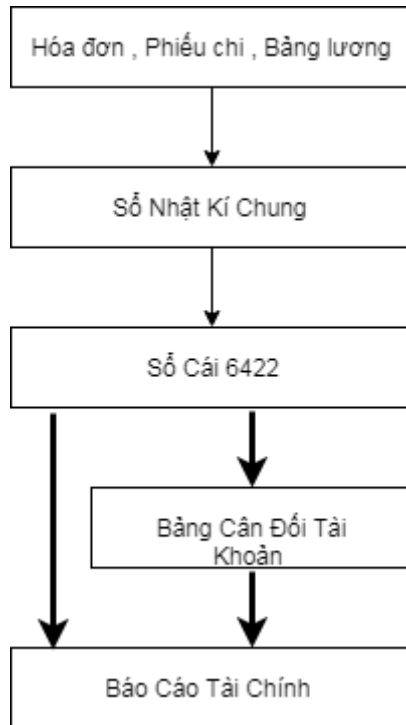
Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý công ty
 - Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 6422
- Trình tự hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:————->

Ví dụ 7:

Ngày 11/12, Công ty thanh toán sửa chữa máy photocopy và máy Fax phục vụ ở bộ phận hành chính cho công ty cổ phần phát triển TM&DV Đỗ Gia

Định khoản:

Nợ TK 6422: 1.500.000

Nợ TK 133: 150.000

Có TK 111: 1.650.000

Từ HĐ GTGT số 715 (biểu số 11) và phiếu chi(biểu số 12) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 15) vào sổ cái TK 642 (biểu số 16)

Biểu số 11: HĐGTGT**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Liên 2 : Giao cho khách hàng

Ký hiệu: HH/16P

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Số: 0000715

Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỒ GIA

Địa chỉ: Số 116 Cát Bi, Q.Hải An, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.588.295 MST:0201310065

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Mã số thuế : 0201295441

Phương thức thanh toán : Bằng tiền mặt

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Thanh toán sửa chữa máy photo và máy fax				1.500.000
Cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng***Người mua hàng****Người bán hàng****Thủ trưởng đóng dấu***(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 12: Phiếu chi

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số 01- TT

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 11/12/2018

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuấn Anh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Phát triển thương mại và dịch vụ Đỗ Gia

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 1.650.000

(Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng* Kèm theo:
chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*

Ví dụ 8:

Ngày 15/12, Công ty mua văn phòng phẩm theo HĐGTGT số 0000201 ngày 15/12/2018 nhằm phục vụ bộ phận văn phòng quản lý của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Minh Huy

Định khoản:

Nợ TK 6422: 2.010.000

Nợ TK 133:201.000

Có TK 111: 2.211.000

Từ HĐ GTGT số 201 (biểu số 13) và phiếu chi(biểu số 14) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 15) vào sổ cái TK 642 (biểu số 16)

Biểu số 13 HĐ GTGT 00000709**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Liên 2 : Giao cho khách hàng

Ký hiệu: HH/18P

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Số: 0000201

Đơn vị bán hàng: **Công ty CỔ PHẦN TM VÀ DỊCH VỤ MINH HUY**

Địa chỉ: Số 14 lô 22 , Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Điện thoại:3.830.327 MST: 0200562846

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia**

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Mã số thuế : 0201295441

Phương thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Giấy Plus	Bịch	10	78.000	780.000
02	Bút bi	Bịch	10	85.500	855.000
03	Mực dầu	Bịch	02	187.500	375.000
Cộng tiền hàng:					2.010.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 201.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.211.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu hai trăm mười một nghìn đồng*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 14: Phiếu chi

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số 01- TT

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

709

Ngày 15/12/2018

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Nhung

Địa chỉ: Công ty CỔ PHẦN TM và DV MINH HUY

Lý do nộp: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 2.211.000

(Viết bằng chữ): *Hai triệu hai trăm mười một nghìn đồng*

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Hai triệu hai trăm mười một nghìn đồng*

Biểu số 15: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)**NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2018**

Đơn vị : đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty CỔ PHẦN phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	6422	1.500.000	
				133	150.000	
				111		1.650.000
...
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	6422	2.010.000	
				133	201.000	
				111		2.211.000
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		300.801.986.850	300.801.986.850

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 16: Sổ cái

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản : CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH****Số hiệu tài khoản : 642**

Năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
8/1	PC11/12	8/1	Sửa máy photo và máy fax	111	1.500.000	
...
15/12	PC15/12	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	2.211.000	

31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.739.592.800
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.739.592.800	2.739.592.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

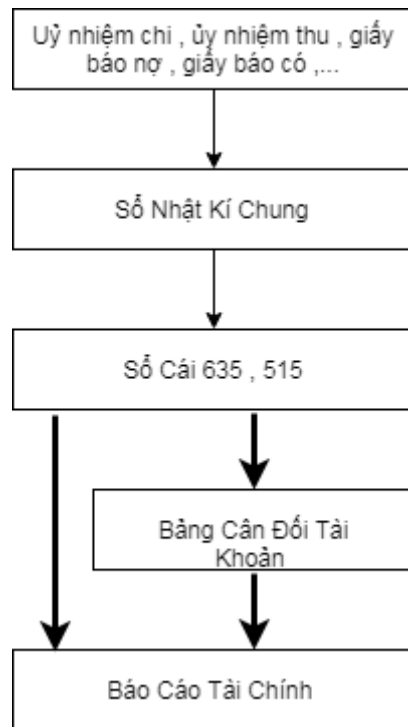
Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

- Chứng từ sử dụng.
 - + Giấy báo nợ.
 - + Giấy báo có.
 - + Ủy nhiệm thu
 - + Ủy nhiệm chi.
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 515: “ Doanh thu Tài chính”
 - + TK 635: “ Chi phí tài chính”
- Ghi sổ theo hình thức:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 515, 635,...

Trình tự hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : →

Ví dụ 9:

Ngày 31/12 , Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Techcombank với số tiền 494.235 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 494.235

Có TK 515: 494.235

Từ Giấy báo có (biểu số 18) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 19) vào sổ cái TK 515 (biểu số 20)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18: Giấy báo có của ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kỹ thương
Việt Nam

Chi nhánh : TCB- Hải Phòng

MST: 0100230800



Số giao dịch:
FT163666000093003

MẪU SỐ: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/ 16T

Số: 17728857523345.000002

PHIẾU BÁO CÓ

Tên tổ chức: **CÔNG TY CPTM VẬN TẢI XNK VŨ GIA**

MST: 0201295441

Địa chỉ: Số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Người chuyển tiền:	Người nhận tiền :
Tên tài khoản: VND-Ngan hang Techcombank	Tên tài khoản: VND-TGTT- CÔNG TY CPTM VẬN TẢI XNK VŨ GIA
Số tài khoản: 10200215600268	Số tài khoản: 10920629999019
Tại ngân hàng: Techcombank	Tại Ngân hàng: Techcombank
Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	494.235.00
Phí	0.00
Thuế VAT	0.00
Tổng phí+ thuế VAT	0.00
Tổng số tiền	494.235.00
Loại tiền:	VND
Số tiền bằng chữ :	(Bốn trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng)
Ngày giá trị:	31/12/2018
Chi tiết :	Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia nhận lại tiền

Lập phiếu

Kiểm soát

Trưởng phòng kế toán

Phiếu này được in từ dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank

Biểu số 18: Trích sổ nhật kí chung

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị : đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty CỔ PHẦN phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	6422 133 111	1.500.000 150.000	1.650.000
...
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	6422 133 111	2.010.000 201.000	2.211.000
...
31/12	GBC	31/12	Nhận lãi vay của TECHCOMB ANK	112 515	494.235	494.235
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		300.801.986.850	300.801.986.850

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 20: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2018

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	GBC	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		494.235
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	13.390.959	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		13.390.959	13.390.959
			Số dư cuối năm			

Trong năm tại Công ty không phát sinh chi phí hoạt động tài chính

2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

+ TK 812: Chi phí thuế thu nhập công ty

+ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Từ các phiếu kế toán (biểu số 21,22,23,24,25) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 26) vào sổ cái TK 911 (biểu số 27)

Ví dụ 1: Ngày 31/12 kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2018

Biểu số 20: Phiếu kế toán số 01

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	50.036.012.094
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	13.390.959
	Cộng			50.049.403.053

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 21: Phiếu kế toán số 02

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	45.672.805.500
2	Kết chuyển chi phí KD	911	642	2.739.592.800
	Cộng			484.123.98.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 22: Phiếu kế toán số 03

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	328.009.950
	Cộng			328.009.950

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 23: Phiếu kế toán số 04

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	328.009.950
	Cộng			328.009.950

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 24: Phiếu kế toán số 05

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	1.255.603.803
	Cộng			1.255.603.803

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 25: Sổ nhật kí chung

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh
Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính,	511	50.036.012.094	
				515	13.390.959	
				911		50.049.403.053
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	48.412.398.300	
				632		45.672.805.500
				642		2.739.592.800
31/12	PKT03	31/12	Xác định thuế TNDN	821	328.009.950	
				3334		328.009.950
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	328.009.950	
				821		328.009.950
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	1.255.603.803	
				421		1.255.603.803
			Tổng cộng		300.801.986.850	300.801.986.850

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 26: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
911 - Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2018

Đơn vị đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		50.036.012.094
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		13.390.959
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	45.672.805.500	
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	2.739.592.800	
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	328.009.950	
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	1.255.603.803	
			Tổng cộng		50.049.403.053	50.049.403.053
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia 2018:

Biểu số 27: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị : Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát-Phường Vĩnh Niệm-Quận Lê Chân- Hải Phòng

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	50.036.012.094	46.825.858.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		50.036.012.094	46.825.858.035
4. Giá vốn hàng bán	11		45.672.805.500	43.665.558.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		4.363.206.594	3.160.300.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.390.959	4.926.072
7. Chi phí tài chính	22		-	315.212.139
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	315.212.139
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.739.592.800	1.488.572.055
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		1.637.004.753	761.441.913
10. Thu nhập khác	31		-	
11. Chi phí khác	32		-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.637.004.753	761.441.913
14. Chi phí thuế TNDN	51		328.009.950	152.288.382
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập công ty (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.255.603.803	613.653.531

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHƯƠNG 3.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM VẬN TẢI XNK VŨ GIA

3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của Công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ưu điểm:

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của Công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một kế toán vốn bằng tiền, một kế toán công nợ, một kế toán TSCĐ, HTK kiêm Thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+) Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

+) Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan

+) Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:

- Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

- Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

- Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban giám đốc dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận ..

Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thương mại cho khách hàng mua số lượng lớn

Thứ ba về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của Công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực là kinh doanh buôn bán các thiết bị khác trong xưởng gỗ . Vì vậy, Công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các

nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa. Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động kinh doanh nước giải khát.

Biểu số 28: Sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị:** Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia**Địa chỉ:** số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

Mẫu số S17 - DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG TK156****Tên sản phẩm: Gạch lát nền S100****Năm 2018****Đơn vị tính : Thùng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số Lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Thuế	Khác
...
4/12	PXK 702	4/12	Bán gạch lát nền S100 cho công ty Vĩnh Phúc	131	1000	186.273	186.273.000		
...
11/12	PXK 707	11/12	Bán gạch lát nền S100 cho công ty Cẩm Phả	131	500	186.273	93.136.000		
...
			Cộng số phát sinh				429.359.265		
			Doanh thu thuần				429.359.265		
...	Giá vốn hàng bán				345.750.000		
			Lãi gộp				83.609.265		

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia

Địa chỉ: số 36B Trục Cát–Phường Vĩnh Niệm–Quận Lê Chân– Hải Phòng

Mẫu số S17 - DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Gạch lát nền S100

Năm 2018

Đơn vị tính : Thùng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
...
4/12	PXK 702	4/12	Bán Gạch lát nền S100	1551	1000	186.273	186.273.000	
...
11/12	PXK 707	11/12	Bán Gạch lát nền S100	1551	500	186.273	93.136.500	
...
			Cộng số phát sinh				429.359.265	429.359.265

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều Công ty bán điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao buộc Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Giaphải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 511. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211

TH1: Người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm

VD1:

Ngày 22/12/2018 Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia có chương trình chiết khấu thương mại từ ngày 22/12/2018 đến 31/12/2018 như sau: Mua 2000 gạch lát nền các loại (giá chưa thuế) sẽ được hưởng CKTM là 2%

Ngày 25/12/2018 Đại lý Hoa Phượng mua 200 thùng gạch lát nền S200 theo hợp đồng thì được hưởng chiết khấu 2%

- Giá bán chưa thuế : 261.600 – 5.232 = 256.368

* Định khoản:

Nợ TK 112: 564.009.600

Có TK 511: 512.736.000

Có TK 3331: 51.273.600

TH2: Người mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng

VD2: Ngày 20/12/2018 Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia ký hợp đồng với Đại lý Phụng Vũ Mua 2000 thùng trị giá 261.600 đ/thùng(giá chưa thuế, CKTM 2%)

Ngày 20/12/2018 Đại lý Phụng Vũ mua 1000 thùng Gạch lát nền S200 (Lần mua hàng này chưa đủ số lượng của chương trình chiết khấu, Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia vẫn xuất hóa đơn cho Đại lý Phụng Vũ với giá 261.600 đ/thùng

Ngày 25/12/2018 Công ty mua thêm 100 thùng gạch lát nền S200 (Lần mua hàng này tính tổng lượng hàng Đại lý Phụng Vũ đã mua đủ 2000 thùng , như vậy Đại lý Phụng Vũ được hưởng CKTM 2%)

Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia viết hóa đơn lần cuối cùng sẽ trừ phần CKTM 2% của toàn bộ hợp đồng

* Định khoản:

- Ngày 20/12/2018

Nợ TK 112,131:287.760.000

Có TK 511:261.600.000

Có TK 3331: 26.160.000

- Ngày 25/12/2018 Hạch toán doanh thu bán hàng:

Nợ TK 112,131:287.760.000

Có TK 511: 261.600.000

Có TK 3331:26.160.000

Hạch toán chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511:523.200.000

Nợ TK 3331:52.320.000

Có TK 112,131:575.520.000

3.2.3 Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

Về việc áp dụng tin học vào kế toán trong điều kiện kỹ thuật điện toán đang có những bước phát triển nhanh chóng với nhiều thành tựu to lớn, việc sử dụng tin học vào lĩnh vực kế toán ngày càng được phổ biến và mang lại hiệu quả cao. Thực tế ở Công ty đã trang bị thiết bị máy vi tính nhưng chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Excel làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy, Công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để Công ty có thể lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, phần mềm kế toán Smart Soft, ...

Em xin được giới thiệu một vài phần mềm phổ biến nhất:

+)PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019 được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp công ty không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình

- Tính năng:

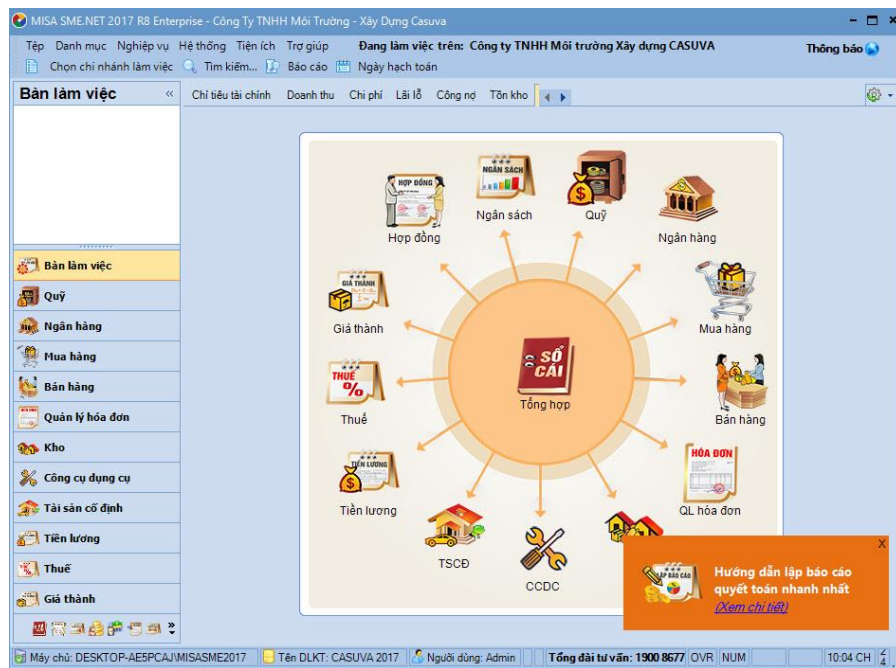
+ Dễ dàng sử dụng

+ Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất

+ Sử dụng rất nhiều hình ảnh nghiệp vụ, giúp cho người sử dụng dễ dàng hình dung ra được quy trình hạch toán kế toán.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2019 gói Enterprise với đầy đủ 16 phân hệ (Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp) hiện nay là: 13.950.000 đồng.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019:



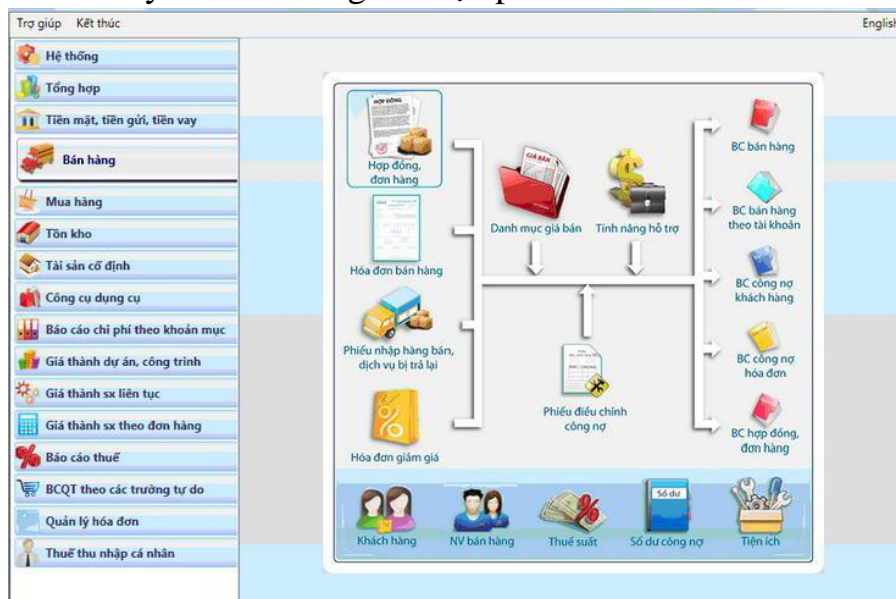
+) PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING

- Fast accounting là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ.

- Fast Accounting - Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome

Giá bán của phần mềm Fast Accounting 14 phân hệ là 11.900.000 đồng

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán Fast Account:



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia” làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

⊖ Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

⊖ Về mặt thực tiễn:

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia:

- Giải pháp thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- Giải pháp thứ hai: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại
- Giải pháp thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chi nhánh Công ty CPTM vận tải XNK Vũ Gia, tài liệu kế toán (2018)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.